

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2016/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 31 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức nộp, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng
khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên
trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1063/TTr-STC ngày 20 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mức nộp, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục

trưởng Cục Thuế tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức nộp, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định về mức nộp, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan tài chính, cơ quan tài nguyên và môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa (gọi tắt là người sử dụng đất).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức thu khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được tính như sau:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

(1) Tỷ lệ phần trăm (%): 50%;

(2) Diện tích: là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

(3) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Toàn bộ số tiền thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được nộp vào ngân sách tỉnh và được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 4. Trách nhiệm và trình tự luân chuyển hồ sơ xác định khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Trách nhiệm của người sử dụng đất:

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

b) Lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê nộp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh;

c) Tiếp nhận Thông báo nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do cơ quan tài chính chuyển đến theo quy định tại Quy định này;

d) Thực hiện nộp đầy đủ, đúng thời hạn khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo của Sở Tài chính và phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với các khoản nghĩa vụ tài chính chậm nộp;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đã nộp;

e) Thực hiện đúng các quy định tại Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh:

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử

dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ kê khai của người sử dụng đất và lập Phiếu chuyển thông tin để chuyển cho cơ quan tài chính (Sở Tài chính đối với hồ sơ giao đất, cho thuê đất của các cơ quan, tổ chức; Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với hồ sơ giao đất, cho thuê đất của hộ gia đình, cá nhân) làm cơ sở xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp theo quy định;

b) Cung cấp thông tin và hồ sơ bổ sung theo yêu cầu của cơ quan tài chính đối với trường hợp hồ sơ không đủ thông tin hoặc có sai sót để xác định khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan tài chính:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến. Trường hợp phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ để xác định khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thì trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc có văn bản đề nghị Văn phòng Đăng lý đất đai xác định hoặc bổ sung thông tin;

b) Xác định và ban hành Thông báo về khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa người sử dụng đất phải nộp trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ chuyển đến. Thông báo được lập thành năm (05) bản để gửi: 01 bản cho người sử dụng đất, 01 bản cho Văn phòng Đăng ký đất đai, 01 bản cho Kho bạc Nhà nước và 02 bản lưu tại cơ quan tài chính;

c) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo về khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, cơ quan tài chính phải chuyển Thông báo đến người sử dụng đất. Trường hợp chuyển Thông báo bằng đường bưu điện theo địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người sử dụng đất đã ghi trong Phiếu chuyển Thông tin thì phải gửi theo hình thức “Gửi bảo đảm”;

Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người sử dụng đất, việc giao nhận phải ghi vào “Sổ giao nhận Thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai” theo Mẫu số 03/LCHS ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLTBTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

d) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước theo dõi, đôn đốc, cập nhật kết quả người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo các tiêu chí: số tiền phải nộp, số tiền đã nộp, số tiền còn nợ, số tiền chậm nộp;

đ) Quản lý khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và tham mưu UBND tỉnh quản lý, sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Điều 4, Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) Thực hiện thu tiền theo Thông báo do cơ quan tài chính ban hành và cung cấp chứng từ thu cho người nộp;

b) Đối chiếu số tiền và thời hạn ghi trên thông báo do cơ quan tài chính ban hành để xác định số ngày chậm nộp, số tiền còn nợ và thông báo bằng văn bản ngay trong ngày cho cơ quan tài chính để tính chậm nộp và đơn đốc thu nộp (nếu có). Đối với trường hợp đã được cơ quan tài chính tính số tiền chậm nộp thì Kho bạc Nhà nước căn cứ cách tính của cơ quan tài chính xác định ngay số tiền chậm nộp để thu nếu người sử dụng đất tiếp tục chậm nộp;

c) Mở sổ theo dõi việc tiếp nhận Thông báo nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do cơ quan tài chính chuyển đến để theo dõi thu nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Thời hạn người sử dụng đất nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thông báo của Sở Tài chính, người sử dụng đất phải nộp 50% số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo.

2. Trong vòng sáu mươi (60) ngày tiếp theo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa còn lại theo Thông báo.

3. Quá thời hạn quy định tại Điểm a, b Khoản này, người sử dụng đất chưa nộp đủ tiền bảo vệ, phát triển theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất từ ngày 01 tháng 7

năm 2015 (ngày Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực) để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước mà chưa nộp hoặc đã tạm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thì căn cứ quy định tại Quyết định này để xác định và nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Giao Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Bình Thuận và Trung tâm Thông tin tỉnh tổ chức phổ biến, công khai Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa biết và thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc khó khăn, các sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai